

Số: 452 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững tỉnh Kiên Giang

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 7500/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 29/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2021, UBND tỉnh báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030

Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặc biệt là thực hiện tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 25/7/2018 về việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm.

Trên cơ sở mục tiêu của Kế hoạch, UBND tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Hàng năm, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nhìn chung, các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch để triển khai thực hiện; đã lồng ghép các mục tiêu, nội dung Kế hoạch vào trong chương trình, kế hoạch của từng ngành/lĩnh vực, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Công tác phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch

đã được các sở, ban, ngành và địa phương quan tâm, thực hiện khá tốt; có sự chủ động trong duy trì quan hệ công tác thường xuyên nên việc trao đổi, cung cấp thông tin tương đối kịp thời; nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân về phát triển bền vững được nâng lên.

Tuy nhiên, vẫn còn một số sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quan tâm chỉ đạo sâu sát trong việc triển khai thực hiện; việc triển khai các nhiệm vụ còn chậm, chưa thống nhất, đồng bộ nên hiệu quả đạt được chưa cao; một số chỉ tiêu chậm hoàn thành so với yêu cầu đặt ra.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững

Mục tiêu 1. Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Bố trí nguồn lực thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững. Công tác an sinh xã hội vùng dân tộc thiểu số (DTTS) được quan tâm đặc biệt; các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS được triển khai kịp thời, thực hiện tốt, nhất là hỗ trợ đồng bào cho vay vốn phát triển sản xuất, dạy nghề, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, giải quyết việc làm, góp phần làm cho kinh tế, đời sống vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển¹. Ước thực hiện năm 2021, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 1%.

Công tác hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được thực hiện tốt: (i) Thực hiện hỗ trợ chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ; tỉnh đã tổ chức chi hỗ trợ cho 330.572 người, số tiền 584.488 triệu đồng; (ii) Thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện phân bổ gạo hỗ trợ cho người dân hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là 2.278.170 kg gạo, cho 151.878 đối tượng, đạt 100% kế hoạch. (iii) Thực hiện chi hỗ trợ cho 50.000 người dân trở về từ các tỉnh, thành phố có dịch bệnh Covid-19 với số tiền là 75 tỷ đồng.

¹ tổ chức các lớp đào tạo nghề cho 248 người DTTS, giải quyết việc làm cho 3.137 lượt người; hỗ trợ 57 người DTTS vay vốn Quỹ Quốc gia về việc làm, với số tiền 2.394 triệu đồng, xuất khẩu lao động.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 đã làm giảm đáng kể thu nhập của các hộ gia đình dễ bị tổn thương; nhất là những người nghèo thuộc nhóm yếu thế như trẻ em, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có kinh tế - xã hội khó khăn; chênh lệch giàu nghèo có xu hướng gia tăng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn.

Mục tiêu 2. Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

Công tác cải thiện dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe trong Nhân dân được quan tâm thực hiện tốt. Tăng cường công tác truyền thông, tư vấn, nâng cao nhận thức của người dân về việc bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi. Thực hiện đa dạng hoá nhằm bảo đảm cung cấp các dịch vụ chăm sóc các bà mẹ trước, trong và sau khi sinh theo chuẩn Quốc gia; tổng số phụ nữ được khám thai trên 4 lần 22.633 ca, giảm 19,44% so cùng kỳ. Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em ngày càng được cải thiện, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 12,2%, giảm 0,2% so với cùng kỳ. Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho 2.000 cụ cao tuổi.

Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn; dịch Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, giãn cách xã hội kéo dài làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông - lâm - thủy sản. Trước những khó khăn, thách thức, tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp kịp thời, có hiệu quả; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, sử dụng giống lúa chất lượng cao và tổ chức sản xuất theo mô hình “cánh đồng lớn”; phát triển chăn nuôi theo hình thức tập trung, trang trại, gia trại; khai thác và nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, an toàn sinh học... góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu trong tỉnh và xuất khẩu. Diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao đạt 93,85%, tăng 13,85% so cùng kỳ; đã xây dựng 783 cánh đồng lớn với diện tích 74.968 ha, trong đó, có 682 cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ, diện tích 53.811 ha; có 3.980 ha cây lúa, 57 ha tôm - lúa, 9 ha cá - lúa, 48 ha cây màu, 8 điểm trồng rau, 70 ha cây ăn trái, 116 điểm chăn nuôi, 27 điểm nuôi thủy sản, 14 điểm cơ giới hóa và 13 điểm hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, tiêu chuẩn hữu cơ. Giá trị sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 0,65% so cùng kỳ; sản lượng đạt 4.508.789/4.400.000 tấn.

Tuy nhiên, tình trạng cải thiện dinh dưỡng ở trẻ em vẫn chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là ở vùng nông thôn. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào sản xuất, chế biến, bảo quản còn nhiều hạn chế; quy mô chăn nuôi còn phân tán, nhỏ lẻ; giữa doanh nghiệp và nông dân chưa tìm được tiếng nói chung về chia sẻ lợi nhuận cũng như rủi ro trong chuỗi liên kết (do thiên tai, dịch bệnh, thị trường đóng băng, giá cả thị trường lên xuống thất thường, ...); dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; nguồn lao động có trình độ tay nghề cao có khả năng ứng dụng công nghệ còn hạn chế, dẫn đến năng suất lao động nông nghiệp còn thấp.

Mục tiêu 3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho Nhân dân được quan tâm thực hiện tốt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường; duy trì được các kỹ thuật y tế chất lượng cao, đã đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho người dân². Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế, khám, chữa bệnh (bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa,...) và thanh quyết toán bảo hiểm y tế. Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm tải, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế đạt 142/144 xã, đạt 98,61%, tăng 4,11% so cùng kỳ³.

Chất lượng nguồn nhân lực y tế được nâng lên; phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế được đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người bệnh. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân (*kể cả bác sĩ tư nhân*) là 9,75, tăng 0,8 bác sĩ/vạn dân so cùng kỳ; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ (*kể cả bác sĩ tăng cường*) đạt 98,62%, trong đó có 57% bác sĩ định biên; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh/y sĩ sản nhi; 100% ấp, khu phố có nhân viên y tế hoạt động.

Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản; đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong năm, chưa ghi nhận ca tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống, giảm 3,5% so cùng kỳ; tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai đạt 76,5%, tăng 0,5% so cùng kỳ; tỷ suất chết

² Ước thực hiện khám, điều trị 4,65 triệu lượt, giảm 200.103 lượt; điều trị nội trú 273 ngàn lượt, tăng 35.218 lượt; tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân (*không gồm giường của Trạm Y tế*) đạt 31,39, tăng 0,56; tỷ lệ khỏi bệnh 93,2%, tăng 3%; tỷ lệ tử vong 0,13%, tăng 0,04 so cùng kỳ.

³ 02 đơn vị không đạt là thị trấn An Biên, huyện An Biên và thị trấn Dương Đông, thành phố Phú Quốc vì danh mục kỹ thuật không đạt.

của trẻ dưới 5 tuổi là 17,88%, tăng 0,1% so cùng kỳ; tỷ suất chết của trẻ dưới 1 tuổi là 11,88%, bằng cùng kỳ.

Tăng cường y tế dự phòng; chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát, phòng chống các bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, đến nay tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh được kiểm soát tốt. Tổng số từ đầu vụ dịch đến ngày 04/12/2021 tỉnh ghi nhận 22.680 trường hợp mắc Covid-19, trong đó, có 107 ca nhập cảnh và 20.084 ca nhiễm trong tỉnh; đã điều trị khỏi 16.819 trường hợp; 296 trường hợp tử vong; 5.565 trường hợp đang điều trị. Thực hiện quản lý chặt chẽ các bệnh phong, lao, sốt rét, tâm thần,...; số bệnh nhân lao mới phát hiện là 2.198 người, giảm 430 người, tổng số đang quản lý, điều trị 4.866 người, đã điều trị khỏi 2.327 người. Tình hình sốt rét ổn định, trong năm không ghi nhận ca mắc mới, giảm 03 ca so cùng kỳ. Tăng cường công tác phòng, chống các bệnh không lây nhiễm: bấu cổ, đái tháo đường, tăng huyết áp,... thông qua dự phòng và điều trị, góp phần nâng cao sức khỏe về tinh thần và thể chất cho người dân. Chương trình phòng, chống HIV/AIDS được quan tâm chỉ đạo; thực hiện triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS trên địa bàn tỉnh vào năm 2030; 100% xã, phường, thị trấn tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS; phát hiện mới 350 ca HIV dương tính, tăng 14 ca, trong đó, có 130 người điều trị Methadone. Tăng cường quản lý, giáo dục, chữa bệnh và dạy nghề cho các đối tượng tại Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng, góp phần giúp người sau cai nghiện trở về tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid-19, giãn cách xã hội kéo dài, dẫn đến gián đoạn trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng như số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đạt 19.212 trẻ, giảm 3.750 trẻ; tiêm ngừa uốn ván phụ nữ có thai đạt 19.102 người, giảm 2.651 người so cùng kỳ.

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông thường xuyên được tăng cường; số vụ tai nạn giao thông, số người bị thương giảm, nhưng số người chết tăng so cùng kỳ (tai nạn giao thông đường thủy tăng, có vụ nghiêm trọng, làm chết và bị thương nhiều người). Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/11/2021, toàn tỉnh xảy ra 99 vụ (giảm 10 vụ), chết 71 người (tăng 06 người), bị thương 53 người (giảm 15 người).

Mục tiêu 4. Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

Trong bối cảnh bùng phát dịch bệnh Covid-19 lần thứ tư, tỉnh đã chủ động, kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh thời gian, phương pháp dạy và học; điều chỉnh hình thức kiểm tra, đánh giá vừa đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 vừa hoàn thành năm học 2020-2021. Tổ chức việc dạy học trực tuyến và trên truyền hình cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh; thực hiện vận động quyên góp, ủng hộ thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” ước hơn 3,5 tỷ đồng và 100 máy tính, góp phần hỗ trợ các em học tập trực tuyến hiệu quả.

Quy mô và chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được nâng lên. Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học thuộc các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và vùng biên giới được quan tâm thực hiện; có 90 phòng học được đầu tư thêm (giai đoạn 2016-2020) đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn vùng khó khăn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư nhằm đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. Phổ cập giáo dục được củng cố, duy trì (144/144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1); tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-25 là 99,37%, tăng 0,18%; độ tuổi 15-35 là 97,72%, tăng 0,37%; độ tuổi 15-60 là 94,01%, tăng 0,53% so cùng kỳ. Công tác tuyên truyền giáo dục, huy động trẻ đi học đúng tuổi được tăng cường, nhất là trẻ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; tỷ lệ trẻ đi nhà trẻ so với độ tuổi đạt 2,51%, giảm 1,6%; tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 43,27%, giảm 13,32%; tỷ lệ học sinh 6-14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 97,02%, tăng 0,01%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông duy trì ở mức cao, năm học 2020-2021 đạt 99,61%, tăng 0,21% so cùng kỳ. Tiếp tục thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật, hiện có 313 em khuyết tật học hòa nhập đã được tăng cường nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục và được tạo điều kiện để học tập bình đẳng trong các trường tiểu học.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Tập trung đổi mới, phát triển chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đào tạo, gắn kết với nhu cầu thực tế của địa phương, doanh nghiệp và thị trường lao động. Thường xuyên nắm tình hình người lao động, nhất là người lao động bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, đồng thời, khảo sát nhu cầu sử dụng lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để có phương án hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại và giải quyết việc làm cho lao động phù hợp. Ước cả năm, tỷ lệ



lao động qua đào tạo đạt 68,72%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50,43%.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn bằng các hình thức phù hợp (tiếp tục chính sách cử tuyển, lồng ghép đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số trong Đề án đào tạo cán bộ, công chức cấp cơ sở, các dự án đào tạo cho Chương trình xóa đói giảm nghèo, khuyến nông,...). Thực hiện các chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, đảm bảo các điều kiện cần thiết cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đào tạo yên tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhất là ưu tiên phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tiếp tục xây dựng xã hội học tập; phát triển các trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với trung tâm văn hóa thể thao xã hoạt động có hiệu quả. Toàn tỉnh hiện có 144/144 xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng; đã tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả thu hút 350.924 lượt người dân đến tham gia học tập các lớp phổ cập, xóa mù chữ, các lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật,... góp phần mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức và cải thiện chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong cộng đồng.

Tuy nhiên, chất lượng hiệu quả dạy và học trực tuyến vẫn còn hạn chế, điều kiện học tập trực tuyến ở một số nơi không đồng đều, thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh chưa đáp ứng nhu cầu⁴; dẫn đến kết quả học tập của học sinh chưa được đồng đều. Cuộc sống nhiều gia đình chịu sự tác động lớn của dịch Covid-19, ảnh hưởng về việc làm, thu nhập, nguy cơ gia tăng tỷ lệ học sinh bỏ học và gia tăng sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục ngày càng cao; tình hình dịch bệnh kéo dài cũng làm ảnh hưởng đến việc vận động học sinh đến trường, nhất là trẻ mầm non. Cơ sở vật chất tuy được quan tâm đầu tư song chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Mục tiêu 5. Đạt được bình đẳng về giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái

⁴ Theo thống kê đến ngày 23/9/2021, toàn tỉnh còn 83.246 học sinh phổ thông thiếu thiết bị học tập trực tuyến (chiếm gần 30%); trong đó, có 6.121 học sinh thuộc hộ nghèo (chiếm 7,35%), 10.459 học sinh thuộc hộ cận nghèo (chiếm 12,6%).

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe trẻ em, bình đẳng giới và tị nạn xã hội luôn được quan tâm thực hiện. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục các chính sách pháp luật về trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Triển khai thực hiện tốt các chính sách, pháp luật, chương trình hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng dân tộc thiểu số⁵; tạo môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em. Thực hiện các giải pháp chủ động duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái) là 97,5.

Quan tâm triển khai thực hiện, tuyên truyền giáo dục, đạo đức, lối sống trong gia đình liên quan đến hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình; phát huy truyền thống, phong tục tốt đẹp, xây dựng quan hệ hôn nhân và gia đình tiến bộ bước đầu đem lại hiệu quả tích cực; đặc biệt đối với những vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã nhận thức và tuân thủ theo quy định pháp luật về đăng ký kết hôn, tuổi kết hôn,... qua đó, đã khắc phục tình trạng tảo hôn vùng đồng bào dân tộc hoặc hôn nhân cận huyết thống.

Vấn đề “giới” được quan tâm tuyên truyền đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến nhận thức trong nội bộ gia đình và ngoài xã hội, bình đẳng giới trên các lĩnh vực đời sống văn hoá, xã hội được quan tâm, tạo điều kiện thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chiến lược, chương trình, chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới⁶, đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình; tỷ lệ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn kiến thức giới, kỹ năng phân tích giới và lồng ghép giới đạt 60%; tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo nghề phân theo thành thị và nông thôn (đào tạo nghề ngắn hạn đến cao đẳng nghề) đạt 42,01%. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em; đảm bảo 100% nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, hỗ trợ và can thiệp kịp thời.

Mục tiêu 6. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và

⁵ Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2015 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;....

⁶ Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2030.

hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Triển khai thực hiện Dự án “Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh”; “Lập danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và lập bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”; “Điều tra đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất và cập nhật điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỷ lệ 1:25.000”. Triển khai Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh (nguồn nước mặt). Công tác quản lý tài nguyên nước tiếp tục có chuyển biến tích cực. Tăng cường tuyên truyền, cấp phép khai thác tài nguyên nước, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác nước mặt, khoan thăm dò nước dưới đất và các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước.

Tích cực, chủ động thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 11/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; các Chương trình hành động, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh⁷ để ứng phó với tình hình hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra trong những tháng mùa khô đầu năm 2021. Chỉ đạo gia cố, đắp mới các đập ngăn mặn kết hợp vận hành có hiệu quả hệ thống công ngăn mặn - giữ ngọt⁸, đặc biệt tỉnh đã đưa vào vận hành tạm thời cống Cái Bé từ tháng 02/2021 thuộc Dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1; cùng với đầu tư nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước nông thôn tập trung, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng tiết kiệm và chủ động dự trữ nước nên việc cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất, nước sinh hoạt đô thị và nông thôn được đảm bảo. Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 89,41%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,28%, trong đó, nước sạch là 61,43%.

Mục tiêu 7. Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững,

⁷ Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 09/10/2020 về thực hiện Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 11/9/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 16/10/2020 về thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong mùa khô 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 11/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ động triển khai các biện pháp ứng phó nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô 2020-2021 ở Đồng bằng sông Cửu Long.

⁸ Vận hành đóng, mở các cống tuyến đê biển Rạch Giá - Kiên Lương, An Biên - An Minh và tuyến đê bao Ô Môn - Xã No (35 cống) thuộc huyện Giồng Riềng, Gò Quao, các cống trên địa bàn TP. Rạch Giá, huyện Châu Thành (55 cống), U Minh Thượng (17 cống).

đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người

Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020 - 2025. Tình hình cung cấp điện trên địa bàn tỉnh ổn định, đảm bảo đủ điện phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt cho người dân; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,6%. Bên cạnh đó, tỉnh đã đề xuất Bộ Công Thương xem xét bổ sung danh mục trong Quy hoạch phát triển điện lưới quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 gồm: 04 dự án nhà máy điện mặt trời (02 dự án nhà máy điện mặt trời trên hồ nước, 02 dự án nhà máy điện mặt trời trên ao nuôi tôm).

Mục tiêu 8. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người

Năm 2021, trong bối cảnh hết sức khó khăn, thách thức; xâm nhập mặn diễn ra sớm và gay gắt hơn; dịch Covid-19 bùng phát lần thứ tư với diễn biến phức tạp hơn đã ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy tăng trưởng kinh tế của tỉnh không đạt như kỳ vọng nhưng với những quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân, sự đồng hành của các doanh nghiệp cùng sự hỗ trợ của Trung ương với những kết quả đạt được là đáng ghi nhận. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2021 (*giá so sánh 2010*) ước tính 63.153,65 tỷ đồng, đạt 95,17% kế hoạch⁹, tăng 0,58% so với cùng kỳ (*cùng kỳ tăng 3,24%*), trong đó: (i) khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 0,93%; (ii) khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 2,25%; (iii) khu vực thương mại - dịch vụ tăng 0,14%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm bằng 94,08%. Cơ cấu kinh tế: (i) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 41,92%; (ii) khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,5 %; (iii) khu vực dịch vụ chiếm 32,33%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,25%. Tổng thu nhập bình quân đầu người ước 58,1 triệu đồng/người/năm.

Sản xuất nông nghiệp: Trước những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, ngành nông nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả¹⁰; sản xuất nông nghiệp dần phát

⁹ Số Kế hoạch năm 2021 đã quy đổi về số liệu Tổng cục Thống kê tương đương 66.356,88 tỷ đồng cho phù hợp với số liệu công bố. Nếu so với số Kế hoạch chưa quy đổi (73.098,7 tỷ đồng) chỉ đạt 86,4% Kế hoạch.

¹⁰ Thành lập "Tổ chỉ đạo sản xuất, kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản; phản ánh, phối hợp tháo gỡ khó khăn lưu thông hàng hóa, vật tư nông nghiệp, thu mua, thu hoạch nông sản, thủy sản" trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 746/QĐ-SNNPTNT ngày

triển theo hướng hàng hóa, sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, phát huy được tiềm năng lợi thế của từng vùng, góp phần thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp; giá trị sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 63.878,8 tỷ đồng, tăng 0,65% so cùng kỳ.

Sản xuất công nghiệp: Nêu cao tinh thần vượt khó, nỗ lực thích ứng an toàn, linh hoạt trong tình hình mới để duy trì sản xuất kinh doanh và việc làm cho người lao động, các doanh nghiệp đã chủ động triển khai nhiều giải pháp phù hợp để khắc phục tác động của dịch Covid-19; từ đó tuy các chỉ tiêu không đạt kế hoạch nhưng tăng so cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 47.308,90 tỷ đồng, tăng 1,71% so cùng kỳ.

Thương mại - Du lịch: Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiều giải pháp tăng cường hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa, nông sản, giúp bình ổn thị trường; đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống ước đạt 106.647 tỷ đồng, giảm 0,26% so với cùng kỳ. Du lịch là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19, lượng khách du lịch và doanh thu bị sụt giảm mạnh; để khôi phục lại hoạt động du lịch trong những tháng cuối năm, nhiều giải pháp đã được triển khai thực hiện nhằm thu hút khách du lịch nội địa và quốc tế đến Kiên Giang, đặc biệt, tỉnh đã đưa vào triển khai thực hiện thí điểm giai đoạn 1 đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc-xin”. Ước cả năm, thu hút 3,12 triệu lượt khách, đạt 44,7% kế hoạch và giảm 41,8% so cùng kỳ¹¹; khách quốc tế ước đạt 3.500 lượt, đạt 0,9% kế hoạch, giảm 98% so cùng kỳ¹²; tổng doanh thu khoảng 3.199 tỷ đồng, đạt 25,2% kế hoạch, giảm 59,3% so cùng kỳ.

Các hoạt động nghiên cứu phát triển trong thời gian gần đây được đẩy mạnh, các nghiên cứu tập trung vào việc phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh, phát triển các nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu tập thể của tỉnh; chú trọng các nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển theo hướng sản xuất sạch, sản xuất hữu cơ, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ tiên tiến vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm hàng hoá của tỉnh. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất; tập trung chủ yếu thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp, nhằm phát triển thế

27/7/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức nhiều cuộc hội nghị trực tuyến hỗ trợ kết nối tiêu thụ hàng chục nghìn tấn rau màu các loại trong thời gian tình thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19;

¹¹ trong đó khách đến các khu, điểm du lịch 1,65 triệu lượt, đạt 46% kế hoạch, giảm 42,9% so cùng kỳ; khách do các cơ sở lưu trú du lịch phục vụ 1,42 triệu lượt, đạt 44% kế hoạch, giảm 40,2% so cùng kỳ.

¹² Khách quốc tế được phục vụ theo quy trình du lịch khép kín trong khuôn khổ hoạt động của Kế hoạch thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc-xin”.

manh sản xuất nông nghiệp của tỉnh; đến nay, tỉnh đang theo dõi 03 dự án cấp quốc gia¹³; 20 dự án cấp tỉnh và 14 dự án cấp cơ sở¹⁴.

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, nhất là hỗ trợ cho lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các nhóm lao động yếu thế như người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa như: tư vấn, giới thiệu việc làm, hợp đồng lao động đi làm việc nước ngoài; tư vấn tuyển sinh học nghề; vay vốn ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác,... Trong năm, đã tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tuyến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận; đưa vào vận hành chính thức cổng thông tin điện tử về lao động, việc làm và đào tạo nghề tỉnh Kiên Giang. Ước cả năm, giải quyết việc làm cho 33.860 lượt lao động¹⁵, giảm 4,8% so với cùng kỳ.

Mục tiêu 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng giao thông quan trọng của tỉnh, gồm: (i) 12 dự án đang triển khai thực hiện (dự án chuyển tiếp)¹⁶(ii) 01 dự án dự kiến khởi công mới: Dự án đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); (iii) 03 dự án chuẩn bị đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng mới cầu U Minh Thượng trên đường 965; Dự án đường ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương và Dự án đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với Cà Mau. Thực hiện đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, đến ngày 15/10/2021 đã xây dựng mới 65,5/240km, đạt 27,27%; nâng cấp, mở rộng 18,6/220km, đạt 8,5%.

Các công trình hạ tầng thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học đảm bảo đúng lộ

¹³ Nghiên cứu bổ cấp nước ngầm Nam Du; Sản xuất gạch không nung tại Phú Quốc; ương giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng quy mô công nghiệp tại Phú Quốc

¹⁴ như: nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi tôm chân trắng công nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP, nuôi kết hợp tôm càng xanh toàn đực và tôm thẻ chân trắng trong ao đất; xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm vẹm xanh, ghẹ xanh, ốc hương; bảo tồn các ghen cá ngựa đen, cá chạch lấu, cá thát lát, bí kỳ nam,.....

¹⁵ Trong đó: Giải quyết việc làm trong tỉnh 20.639 lượt lao động; ngoài tỉnh 13.221 lượt lao động.

¹⁶ (1) Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy U Minh Thượng; (2) Dự án đường Thù 2 đến Công Sự; (3) Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964, hạng mục XD 07 cầu; (4) Dự án cầu Mỹ Thái; (5) Dự án Cảng hành khách Rạch Giá; (6) Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu; (7) Dự án đường ven biển Rạch Giá - Hòn Đất; (8) Dự án đường tỉnh ĐT.963B; (9) Nâng cấp, mở rộng cầu Hùng Vương; (10) Dự án cải tạo, nâng cấp QL61; (11) Dự án cải tạo, nâng cấp QL80; (12) Dự án Đường ven sông Cái Lớn.

11/5/2021

trình, theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ¹⁷; đến nay, toàn tỉnh hiện có 293 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 47,64%. Mạng lưới y tế được chú trọng đầu tư; đến nay toàn tỉnh có 194 cơ sở y tế (23 bệnh viện (kể cả bệnh viện tư nhân và trung tâm y tế 2 chức năng; 171 trạm y tế/phòng khám đa khoa tư nhân), với 6.342 giường bệnh, đặc biệt đã đưa vào sử dụng có hiệu quả Bệnh viện Sản - Nhi. Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư; hạ tầng truyền dẫn quang, truyền dẫn viba được triển khai đến hầu hết xã trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các xã biên giới, hải đảo như: Thổ Châu, Nam Du, An Sơn, Tiên Hải,.... Hạ tầng bưu chính, viễn thông được triển khai đồng bộ, phủ rộng khép kín đến tận vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; có 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính, mật độ thuê bao điện thoại (bao gồm cả cố định và di động) đạt 114 thuê bao/100 dân, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng đạt 80,2 thuê bao/100 dân... về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin, liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội của người dân.

Mục tiêu 10. Giảm bất bình đẳng trong xã hội

Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng; đặc biệt, công tác chi trả trợ cấp ưu đãi cho đối tượng chính sách người có công được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, hỗ trợ nhà người có công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh với tổng số 3.800 căn (trong đó xây mới 2.150 căn và 1.650 căn), tổng vốn thực hiện là 200.000 triệu đồng. Thực hiện Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, kết quả toàn tỉnh đã gửi tặng 21.685 suất quà cho gia đình chính sách, người có công với tổng kinh phí 6.583,8 triệu đồng; truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước cho 54 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tặng thưởng 22 Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sỹ hy sinh và có con duy nhất là liệt sĩ. Tiếp tục tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác nhận, công nhận người có công.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quyền lợi và chế độ thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người tham gia từng bước được nâng lên, góp phần đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 10,54%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,2%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 83,57%, giảm 6,43% so cùng kỳ.

¹⁷ Kết quả giảm 12 trường (MN: tăng 01; TH: giảm 9; THCS: giảm 4) so với năm học 2019-2020

Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên, đầy đủ, kịp thời cho 53.934 người, với tổng kinh phí 339.538 triệu đồng¹⁸. Việc tiếp cận các điều kiện sống cơ bản của người dân ngày càng tăng; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 98,28%, trong đó nước sạch là 61,43%; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,6%.

Mục tiêu 11. Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Công tác quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc được tăng cường, quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng thực hiện 140 hồ sơ¹⁹, quản lý xây dựng theo quy hoạch thực hiện 100 hồ sơ²⁰. Tăng cường kiểm tra, xử lý, từng bước lập lại kỷ cương trong công tác quản lý trật tự xây dựng, hạn chế tình trạng xây dựng trái phép, không phép, sai quy hoạch xây dựng, lấn chiếm đất công. Tổ chức triển khai, phổ biến các văn bản có liên quan về lĩnh vực xây dựng đến các cấp, các ngành, chủ đầu tư, doanh nghiệp có liên quan; hướng dẫn các địa phương về công tác quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng và phát triển đô thị. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 34,49%; tỷ lệ đô thị hóa nội thị đạt khoảng 28,78%.

Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong công tác quản lý vận tải, phương tiện và người lái. Mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến vận tải hành khách, nhưng hàng hóa vẫn luân chuyển, so với cùng kỳ năm trước sản lượng vận tải vẫn tăng. Ước năm 2021, hoạt động vận tải hàng hóa đạt 13.957/14.006 ngàn.tấn, tăng 0,86% so với cùng kỳ; Vận chuyển hành khách 73.232/98.779 ngàn lượt.HK, giảm 8,34% so với cùng kỳ.

Công tác xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện quyết liệt; từ đầu năm đến nay, tỉnh đã công nhận 11/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Lũy kế toàn tỉnh có 90/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 77,6%); 03 huyện (Tân Hiệp, Giồng Riềng và Gò Quao) đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 20%). Ban

¹⁸ Trong đó: đối tượng hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng là 53.644 người, kinh phí 335.897 triệu đồng; đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội là 290 người, kinh phí 3.641 triệu đồng.

¹⁹ Bao gồm: Nhiệm vụ quy hoạch 05 hồ sơ; Đồ án quy hoạch 06 hồ sơ; Điều chỉnh cục bộ 08 hồ sơ; Xin ý kiến, duyệt chấp thuận 59 hồ sơ; Thông báo, công văn thẩm định 40 hồ sơ; Hợp 22 hồ sơ. Trong đó, trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh cục bộ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc; trình Thường trực Tỉnh ủy thẩm định đồ án Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên.

²⁰ Bao gồm: Cung cấp thông tin, thoả thuận quản lý kiến trúc xây dựng theo quy hoạch 86 hồ sơ; Cấp giấy phép xây dựng 14 hồ sơ.

Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh tổ chức thẩm tra, đề nghị Trung ương thẩm định thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới.

Mục tiêu 12. Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

Nâng cao nhận thức của cộng đồng và xã hội về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt. Thực hiện có hiệu quả kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; xây dựng sản xuất an toàn và bền vững. Tiếp tục thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức kiến thức an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; trong năm, đã cấp 260 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tăng 1 hồ sơ so cùng kỳ.

Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản luôn được quan tâm thực hiện theo quy hoạch; tiến hành triển khai công tác điều tra, đánh giá khoáng sản trên địa bàn tỉnh để lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và dự trữ khoáng sản cho giai đoạn 2020 - 2030; việc cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Chủ động triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý việc thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại trong các khu, cụm công nghiệp; quản lý rác thải nhựa; kịp thời hướng dẫn các các khu điều trị, cách ly tập trung trong công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 98,5%. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 98%.

Mục tiêu 13. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các chỉ tiêu lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

Tăng cường tuyên truyền ứng phó với biến đổi khí hậu; thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, lụt, bão, đảm bảo thông tin đầy đủ, kịp thời, đặc biệt là vùng ven biển, hải đảo,...; chủ động phòng, chống thiên tai nhằm giảm đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra; trong năm, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ kịp thời cho những người dân bị tác động của thiên tai giúp người dân vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống; đã hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra cho các hộ dân với tổng số tiền 369,5 triệu đồng²¹.

Mục tiêu 14. Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững

Tăng cường công tác quản lý tàu cá và chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác²²; đẩy nhanh tiến độ lắp đặt đồng thời rà soát đối với những trường hợp mất kết nối thiết bị giám sát hành trình, tiến hành xử lý nghiêm theo quy định; đến nay, toàn tỉnh đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được 3.651/3.653 tàu cá²³. Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; đặc biệt ngăn chặn, chấm dứt tình trạng tàu cá Kiên Giang vi phạm khai thác hải sản trái phép tại vùng biển nước ngoài²⁴.

Mục tiêu 15. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

Tiếp tục quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển diện tích rừng hiện có; chăm sóc diện tích rừng trồng. Tăng cường thông tin tuyên truyền, nhận thức của người dân về bảo vệ rừng từng bước được nâng lên; rừng tự nhiên được phục hồi, trữ lượng rừng trồng và rừng tự nhiên được cải thiện²⁵; tỷ lệ che phủ

²¹ Các huyện: Giồng Riềng, Châu Thành, Tân Hiệp, U Minh Thượng, An Biên, An Minh, Hòn Đất và Kiên Hải; thiệt hại 37 hộ nhà sập, 50 hộ nhà tốc mái (trong đó, có 09 căn của hộ đồng bào DTTS bị ảnh hưởng: sập 02 căn, tốc mái 07 căn), 15 người bị thương, 01 người chết do sóng to, gió lớn làm chìm phương tiện đánh bắt hải sản.

²² Từ đầu năm 2021 đến nay đã cấp 1.258 giấy phép khai thác thủy sản, 575 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, 112 sổ danh bạ thuyền viên và thực hiện đánh dấu tàu khai thác 1.258 tàu, 78 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác cho 04 chủ hàng với khối lượng 582 tấn sản phẩm thủy sản.

²³ đã loại trừ 328 tàu cá thuộc diện xoá đăng ký và thuộc diện loại trừ: nằm bờ, hư, ngân hàng quản lý...

²⁴ Đến tháng 9/2021, đã xử lý 03 tàu, tổng số tiền là 1.904 triệu đồng; tịch thu 03 tàu; 03 tàu qua điều tra, xác minh đã xác định không vi phạm vùng biển nước ngoài; quyết định xử phạt vi phạm hành chính 04 cá nhân; xây dựng phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị tịch thu do vi phạm hành chính đối với 4 tàu cá có quyết định xử phạt theo quy định.

²⁵ Diện tích đất có rừng hiện nay là 76.205,92 ha; trong đó: rừng tự nhiên 58.022,44 ha; rừng trồng đã thành rừng 18.183,48 ha; đất chưa có rừng 13.398,46 ha. Phân theo chức năng, toàn tỉnh có: 39.709,54 ha rừng đặc dụng; 32.065,68 ha rừng phòng hộ; 8.114,41 ha rừng sản xuất và 9.714,75 ha đất ngoài quy hoạch.



rừng đạt 12,01%. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện kịp thời; từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã xảy ra 08 vụ cháy rừng, với tổng diện tích cháy 12,09 ha; các lực lượng đã kịp thời dập tắt, không để cháy lớn, cháy lan vào rừng và không thiệt hại tài nguyên rừng²⁶. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, xử lý vi phạm về pháp luật bảo vệ rừng; đã tổ chức 1.690 cuộc tuần tra, truy quét, qua đó đã phát hiện và xử lý 120 vụ vi phạm. Công tác quản lý lâm sản được quan tâm thực hiện; trong năm, đã cấp Giấy chứng nhận gây nuôi động vật hoang dã (ĐVHD) và xác nhận lâm sản 80 hồ sơ, trong đó: 23 hồ sơ xác nhận bảng kê lâm sản, với 529 cá thể (97 cá thể Cây vòi hương, 432 cá thể Cua đinh); 55 hồ sơ cấp mã cơ sở gây nuôi ĐVHD, với 993 cá thể (290 cá thể Cây vòi hương, 619 cá thể Cua đinh, 68 cá thể Rùa răng, 16 cá thể Chim Công Ấn Độ) và 02 hồ sơ thẩm định hồ sơ thiết kế dự toán công trình lâm sinh. Đồng thời, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Bảo tồn gen động, thực vật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang thực hiện từ năm 2014 đến năm 2020”, với 33 nguồn gen giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản đã được thực hiện bảo tồn; trong đó có một số nguồn gen đang được khai thác phục vụ sản xuất, nhiều nguồn gen tham gia xây dựng và phát triển nhãn hiệu.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, công khai theo đúng quy định. Triển khai thực hiện Kế hoạch về việc lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh. Triển khai và đôn đốc cấp huyện thực hiện lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 2022 cấp huyện. Tổng hợp bổ sung danh mục công trình thu hồi đất; danh mục công trình có sử dụng đất lúa, đất rừng của kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2021, đã thực hiện 28.019 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất²⁷.

Mục tiêu 16. Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp

²⁶ Trong đó: Giang Thành 02 vụ, diện tích 3,5 ha, rừng tràm trồng năm 2003-2004; Phú Quốc 06 vụ, diện tích 8,59 ha, hiện trạng đồng cỏ, tràm tái sinh rải rác.

²⁷ Trong đó có 966 giấy của tổ chức, 22.417 giấy của hộ gia đình cá nhân, 640 giấy đại trà, 3.966 giấy cấp lần đầu tại các chi nhánh.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn. Qua đó, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân; trong năm, đã tổ chức 38.025 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 810.215 lượt người tham dự, biên soạn in và cấp phát 100.000 tài liệu miễn phí. Chất lượng hòa giải ở cơ sở được nâng cao, đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt người nghèo, người dễ bị tổn thương có quyền ngang nhau đối với nguồn lực kinh tế, dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác; trong năm đã đưa ra hòa giải 2.418 vụ việc, hòa giải thành 2.018 vụ việc. Nhận thức nhà nước về pháp quyền, quyền tiếp cận công lý bình đẳng, quyền tự do cơ bản của công dân ngày càng được nâng lên; hiện nay, toàn tỉnh có 144/144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, 90/116 xã đạt nông thôn mới và 03 huyện đạt nông thôn mới.

Thực hiện tốt công tác hướng dẫn, đăng ký và quản lý hộ tịch; trong năm, cấp huyện, cấp xã đã đăng ký hộ tịch 298.834 trường hợp, không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong việc thực hiện đăng ký hộ tịch.

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; kịp thời tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản của Đảng, pháp luật của nhà nước, trọng tâm là Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy²⁸. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí; đã triển khai 77 cuộc thanh tra, kết thúc 57 cuộc, qua đó đã phát hiện vi phạm 20,1 tỷ đồng, thu nộp ngân sách nhà nước 13,875 tỷ đồng²⁹; xử lý hành chính 71 tập thể, 191 cá nhân; chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra 02 vụ việc với 4 đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

Mục tiêu 17. Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Tăng cường quảng bá, xúc tiến, tìm kiếm mở rộng thị trường đầu tư, thương mại, du lịch trong và ngoài nước, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển. Mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng với việc thực hiện các giải pháp linh hoạt, các doanh nghiệp đang từng bước ổn định hoạt động trở lại; đồng thời, dự báo trong những tháng cuối năm, nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu sẽ có bước tăng mạnh do nhu cầu tiêu

²⁸ Kết quả thực hiện 1.018 cuộc tuyên truyền các chính sách pháp luật, trong đó lồng ghép tuyên truyền pháp luật phòng, chống tham nhũng được 280.243 lượt cán bộ, công chức người dân tham dự.

²⁹ Số còn lại thu cho đơn vị 11,39 tỷ đồng và xử lý khác 6,2 tỷ đồng.



dùng tăng trong những dịp lễ, tết, đặc biệt là đối với ngành dệt may, da giày, chế biến nông sản, thủy sản,...; nên dù ước cả năm xuất khẩu không đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn duy trì mức tăng trưởng khá; đạt 695 triệu USD, tăng 1,89% so cùng kỳ. Nhập khẩu ước đạt 125 triệu USD, giảm 3,4% so cùng kỳ.

Trong năm, đã giới thiệu thông tin danh mục dự án kêu gọi hợp tác đầu tư đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước (Ấn Độ, Hàn Quốc,...) trên Website: www.kiengianginvest.com. Phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh và chính quyền bang Odisha (Ấn Độ) tổ chức Hội nghị trực tuyến “Hợp tác giữa Kiên Giang và bang Odisha trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản”; đồng thời, tổ chức chương trình kết nối giao thương có sự tham gia của 7 doanh nghiệp, hợp tác xã nông, thủy sản tỉnh với các doanh nghiệp đối tác bang Odisha. Tham dự Hội thảo Quốc tế trực tuyến “Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Châu Phi” do Bộ Ngoại giao tổ chức.

Tiếp tục duy trì quan hệ tốt với các tỉnh Campuchia giáp biên, tăng cường thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị hai bên. Triển khai thực hiện có hiệu quả một số hoạt động đã ký kết, giá trị vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài vẫn được tiếp tục. Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân luôn kịp thời, đặc biệt thực hiện tốt công tác quản lý biên giới (bao gồm lưu thông hàng hoá, xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra khu vực biên giới) trong điều kiện xảy ra dịch Covid-19... qua đó đã góp phần thành công trong công tác đối ngoại của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa vào cuộc một cách quyết liệt, chưa phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững đã đề ra.

Đại dịch Covid-19 đã tác động trực tiếp đến tiến trình thực hiện các mục tiêu như: Xoá đói, giảm nghèo, bất bình đẳng xã hội, giáo dục có chất lượng, tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững,... Ngoài ra, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, chưa thực sự dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ. Trình độ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu. Sự phát triển giữa các địa phương chưa đồng đều; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chưa tận dụng và khai thác tốt những cơ hội và điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế.

Nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng trong khi nhu cầu còn rất lớn; việc huy



động các nguồn lực từ Nhân dân và các thành phần kinh tế để thực hiện chương trình gặp nhiều khó khăn,... do đó, đã ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

3. Nguyên nhân

Khách quan: Do dịch bệnh Covid-19 diễn biến nhanh, phức tạp, kéo dài trên diện rộng; cùng với hạn hán, xâm nhập mặn đã tác động đến những thành quả đã đạt được, ảnh hưởng đến kết quả và tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Chủ quan: Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa quyết liệt, chủ động, kịp thời; vai trò, trách nhiệm của một bộ phận người đứng đầu các ngành, các cấp chưa cao; năng lực, trình độ, ý thức chấp hành kỷ luật của một số bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp một số khâu thiếu chặt chẽ, chưa thực sự hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững³⁰, lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030³¹; Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tập trung thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Kiên Giang để thúc đẩy việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững vào năm 2025 và năm 2030.

Tiếp tục rà soát những mục tiêu có khả năng không đạt để đưa ra các giải pháp kịp thời, đảm bảo đạt được những mục tiêu đã đề ra. Trong đó, tập trung vào những giải pháp trọng tâm như: Thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch,... có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững để chủ động điều chỉnh cho phù hợp. Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính một cách có hiệu quả; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ; tăng cường khả năng chống chịu, khả năng thích ứng với

³⁰ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ

³¹ Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ



biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh; tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển bền vững; tăng cường nâng cao nhận thức, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương và toàn xã hội để tạo sự lan tỏa trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về kết quả thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững năm 2021, UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. *l. mep*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng TH, CVNC;
- Lưu: VT, vttkiểu.

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

KIÊN GIANG